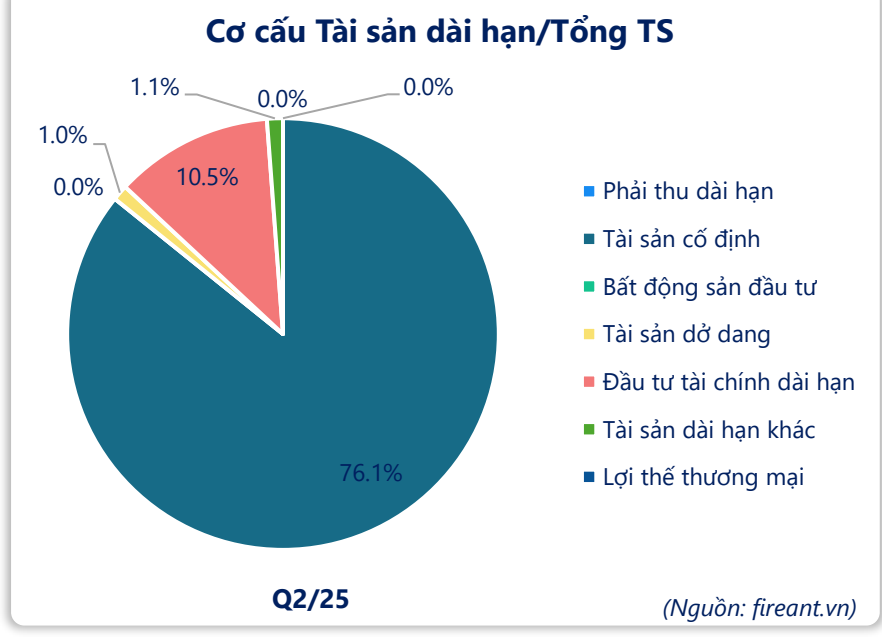
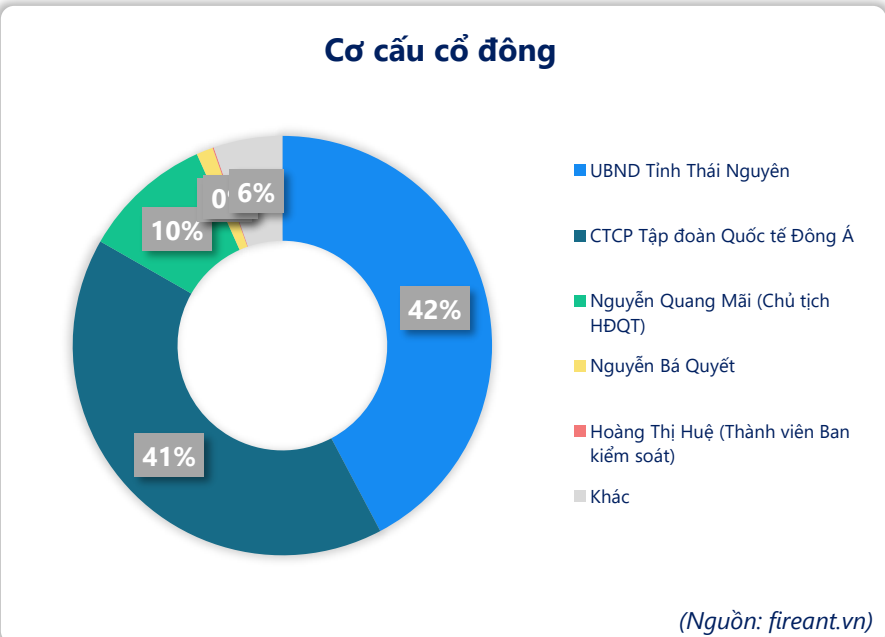
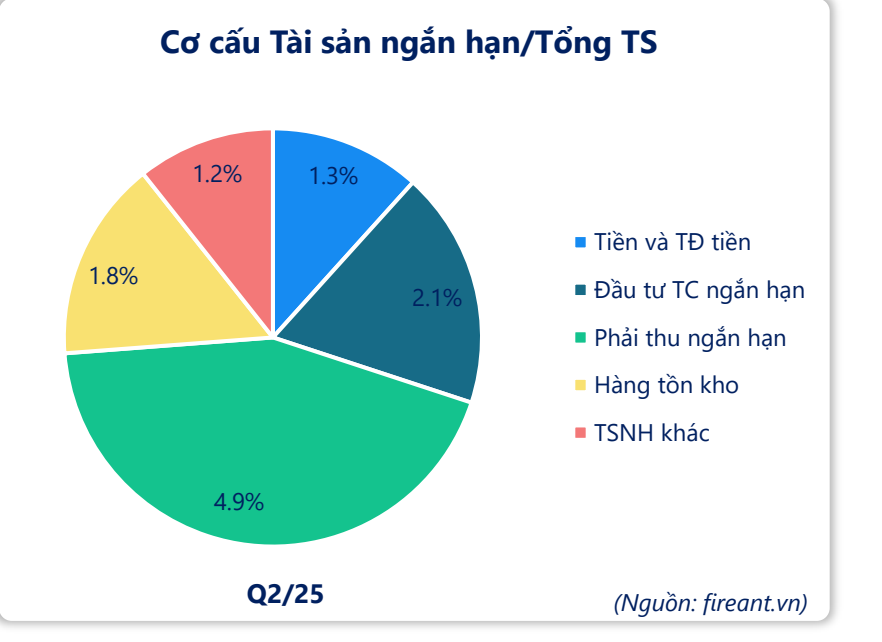
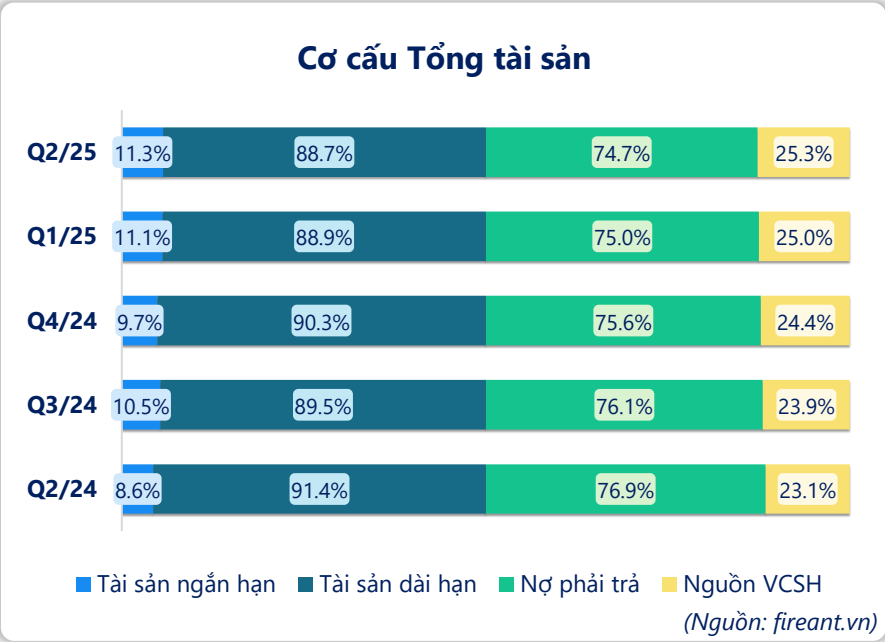
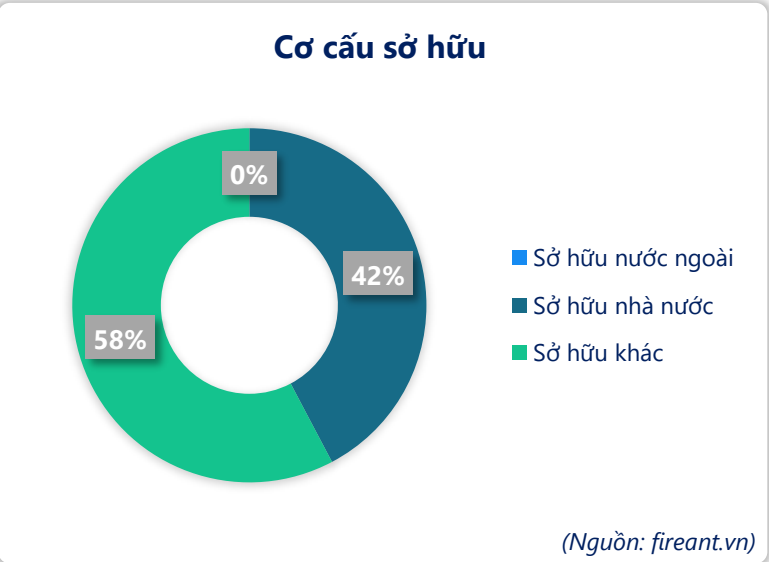
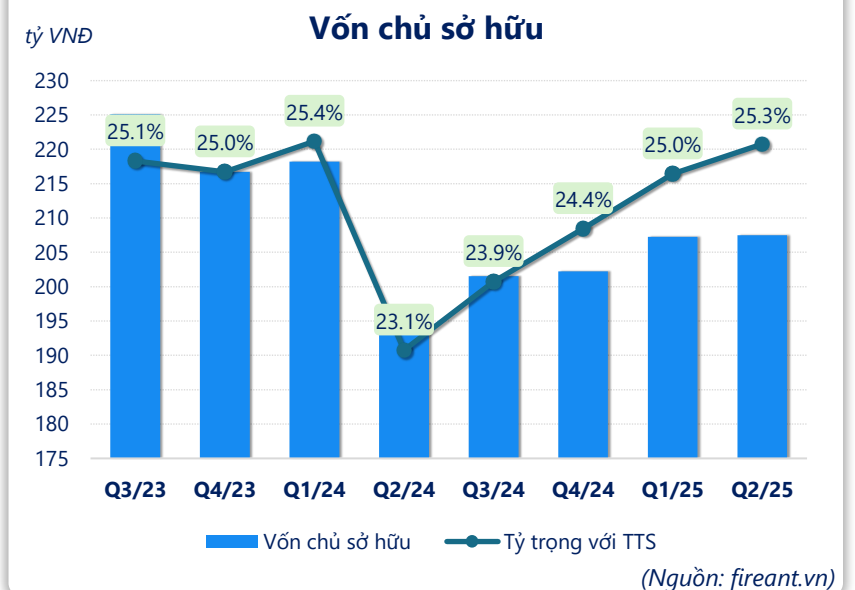
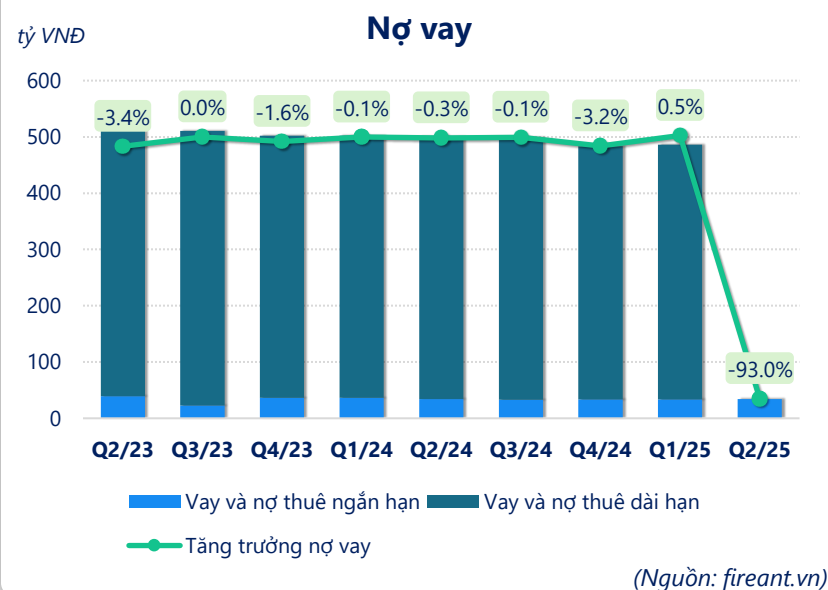
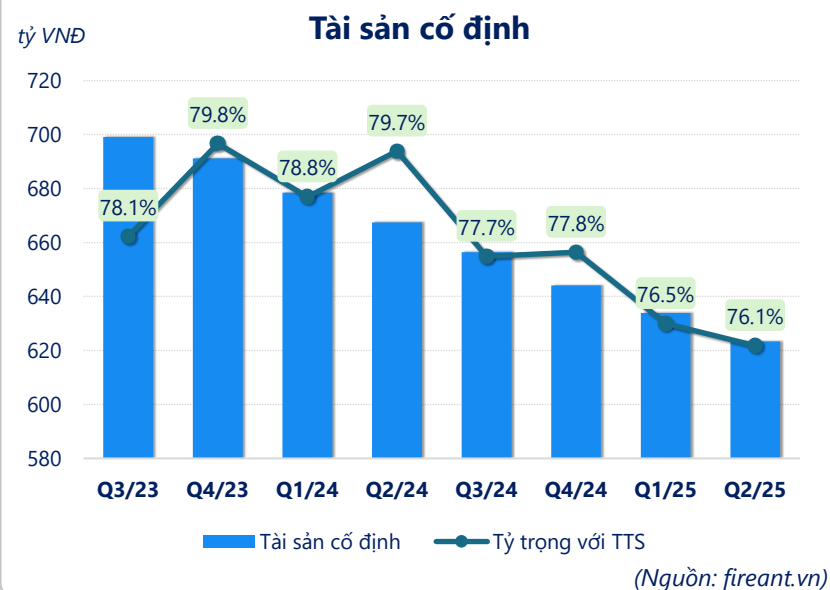
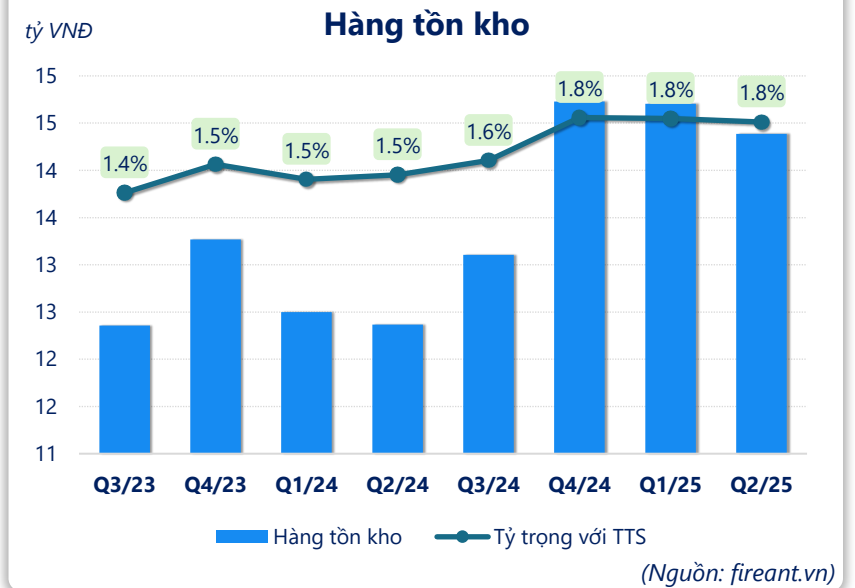
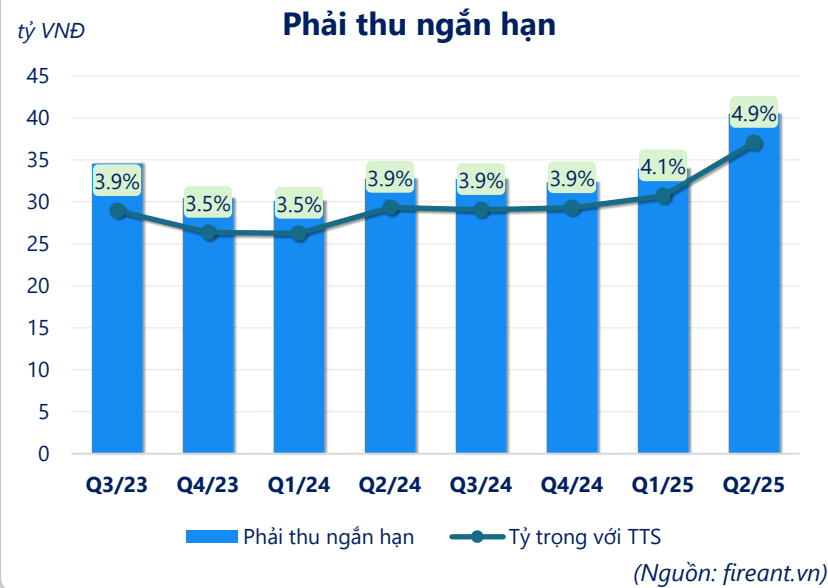
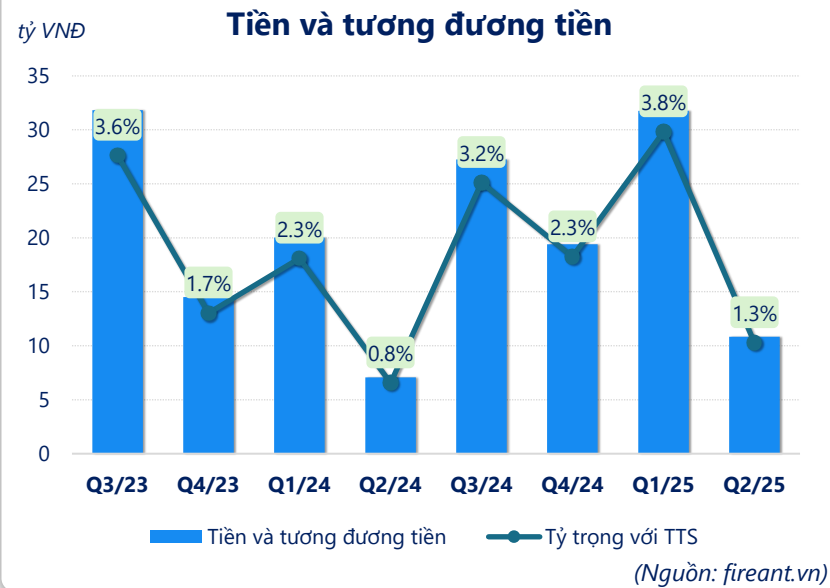
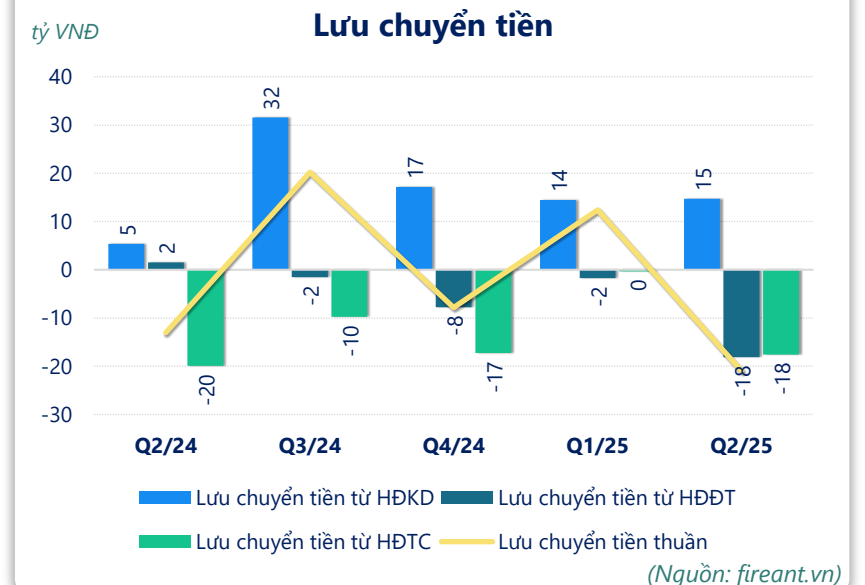
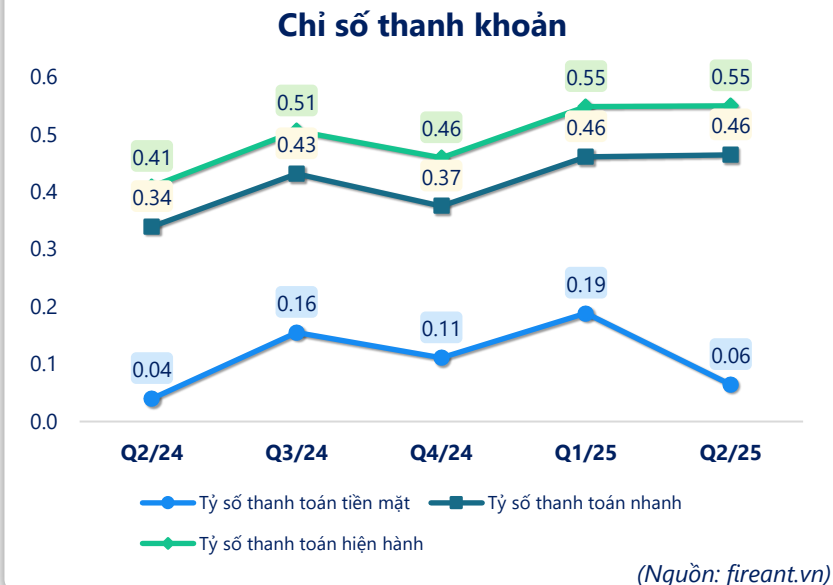
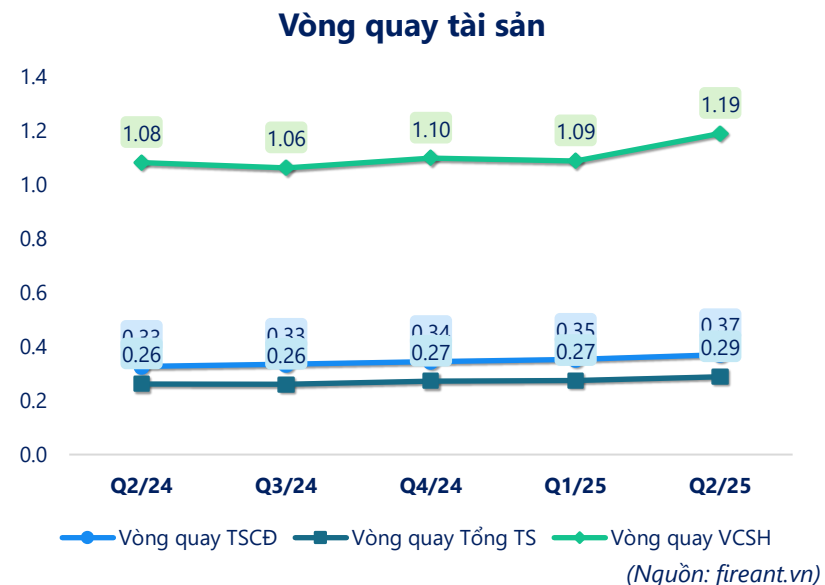
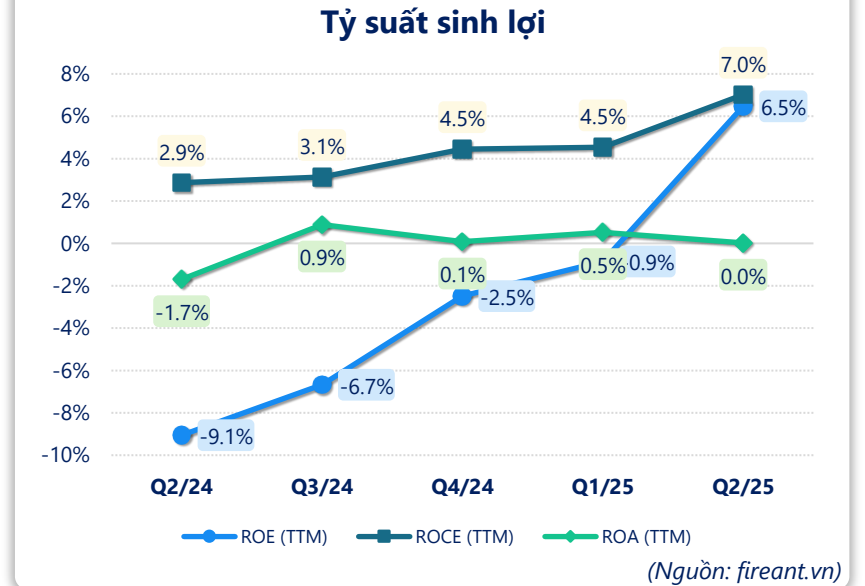
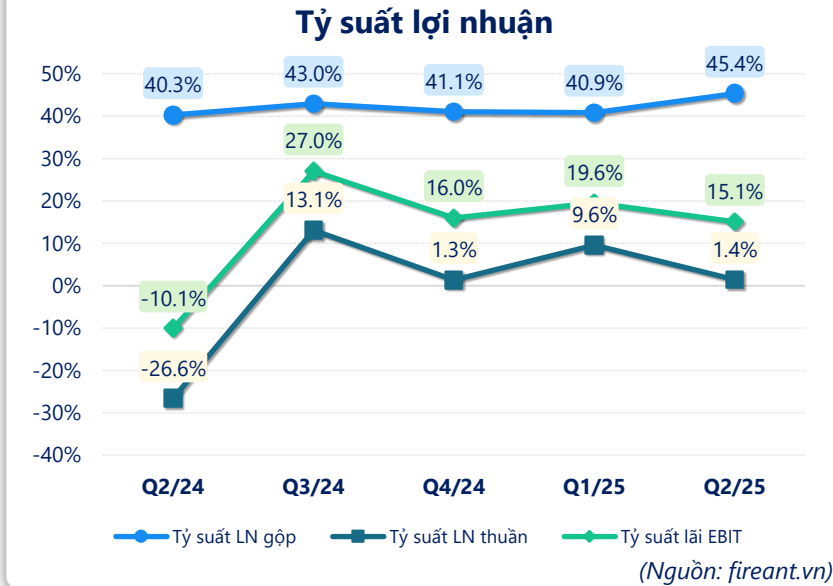
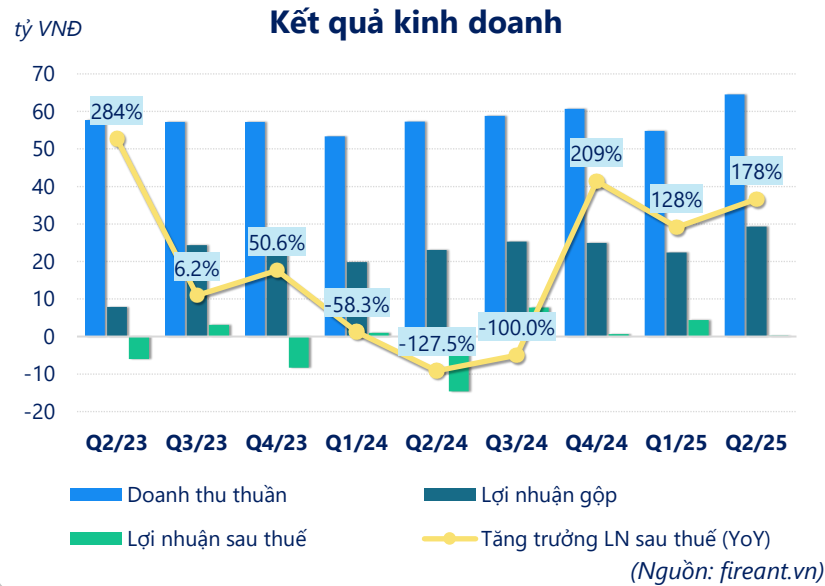


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		11,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,084
SL cổ phiếu LH		16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		135
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		184
P/E		14.2
EPS		811

	YTD	1T	3T	6T
TNW	4.5%	2.7%	-10.9%	5.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	819	828	-1.1%
Tài sản ngắn hạn	92.6	81.1	14.2%
Tiền và tương đương tiền	10.8	19.4	-44.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.5	33.0	22.8%
Hàng tồn kho	14.4	14.7	-2.3%
Tài sản ngắn hạn khác	9.88	14.0	-29.2%
Tài sản dài hạn	727	747	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	623	644	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	8.45	8.39	0.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.2	85.9	0.3%
Tài sản dài hạn khác	8.66	8.84	-2.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	612	625	-2.2%
Nợ ngắn hạn	169	175	-3.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.0	34.0	0.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	75.8	83.8	-9.5%
Nợ dài hạn	443	450	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	450	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	207	203	2.3%
Vốn chủ sở hữu	207	203	2.3%
Vốn điều lệ	160	160	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	57.3	58.8	60.7	54.8	64.6
Giá vốn hàng bán	34.2	33.5	35.7	32.4	35.3
Lợi nhuận gộp	23.1	25.3	24.9	22.4	29.3
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.01	0.01	0.16
Chi phí TC	27.7	8.20	10.1	7.54	17.3
Chi phí lãi vay	9.46	8.20	8.82	4.82	9.03
LN trong công ty LKLD	0.22	0.86	0.03	0.12	0.11
Chi phí bán hàng	5.16	4.82	6.22	4.88	5.01
Chi phí QLDN	5.68	5.45	7.86	4.85	6.36
LN thuần từ HĐKD	-15.2	7.69	0.82	5.25	0.90
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.07	0.65	-0.19
LN trước thuế	-15.2	7.69	0.88	5.90	0.71
Lợi nhuận sau thuế	-14.6	7.69	0.67	4.42	0.21
LNST của CĐ cty mẹ	-14.6	7.69	0.67	4.42	0.21

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	5.39	31.6	17.2	14.5	14.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.54	-1.57	-7.77	-1.74	-18.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-19.9	-9.79	-17.3	-0.35	-17.6
Tiền đầu kỳ	20.0	7.05	27.3	19.4	31.8
Lưu chuyển tiền thuần	-13.0	20.2	-7.87	12.4	-20.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.05	27.3	19.4	31.8	10.8

(Nguồn: fireant.vn)